VIỆN KHOA HỌC
AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG
TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Số: 09. /TB-TQT
v/v yêu cầu báo giá cung cấp hàng hóa cho nhiệm vụ KH&CN 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Quý công ty, đơn vị kinh doanh cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-TLĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thường Trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn giao thực hiện nhiệm vụ khoa học thuộc chương trình trọng điểm cấp Tổng Liên đoàn: *Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng ô nhiễm các hợp chất hữu cơ bền polybrom diphenyl ete (PBDEs) trong bụi lơ lửng tại môi trường làm việc*, mã số 2023/04/CTTĐ-ATVSLĐ;

Căn cứ Thuyết minh đề tài KHCN đã được phê duyệt,

Trạm Quan trắc và Phân tích Môi trường lao động, có nhu cầu mua sắm một số hàng hóa phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp năm 2024.

- Nội dung hàng hóa: theo Danh mục chi tiết kèm theo thông báo.
- Thời gian nhận báo giá: trong 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo

Kính đề nghị Quý công ty, đơn vị kinh doanh quan tâm, chào giá.

Báo giá gửi về: Văn phòng Trạm Quan trắc và Phân tích Môi trường lao động, địa chỉ tại số: 99 Trần Quốc Toản, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Mọi chi tiết cần làm rõ xin liên hệ: Văn phòng Trạm, Điện thoại: 02422172480, E-mail: maitienphuong78@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website Trạm; Viện;
- Lưu: VT, VP (1b).

TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Trần Thị Kiều Lý

DANH MỤC

(Kèm theo Thông báo số 09/TB - TQT ngày 04/5/2024 của Trạm quan trắc và PTMT lao động)

STT	Tên yêu cầu	Tên hàng	Đơn vị tính yêu cầu	SL	Code	Hãng
1. Hóa chất chuẩn, hóa chất thí nghiệm						
1.1	BDE- Native stock solution đặt từ CIL (Cambridge Isotope Laboraties Inc.) 10ppm	Native stock solution đặt từ CIL (Cambridge Isotope Laboraties Inc.) 10ppm	Lọ 1,2 ml	1	EO-5278	Cambridge Isotope Laboraties (MỸ)
1.2	Hỗn hợp chuẩn đánh dấu đồng vị 8 BDE 13C12- Labeled surrogate stock solution đặt từ CIL 1ppm	Labeled surrogate stock solution đặt từ CIL 1ppm	Lọ 1,2 ml	2	EO-5277	Cambridge Isotope Laboraties (MỸ)
1.3	Dung môi toluen loại tinh khiết phân tích, hãng Merk	Toluene for analysis	Chai 2,5 L	7	1083252500	Merck (Đức)
1.4	Dung môi n-hexane loại tinh khiết phân tích, hãng Merk	n-Hexane for analysis EMSURE® ACS	Chai 2,5 L	8	1043672500	Merck (Đức)
1.5	Dung môi acetone, loại tinh khiết phân tích, Merk	Acetone for analysis	Chai 2,5 L	8	1000142500	Merck (Đức)
1.6	Dung môi dichloromethane loại tinh khiết phân tích, Merk	Dichloromethane for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur	Chai 2,5 L	6	1060502500	Merck (Đức)
1.7	Axit sulfuric đặc, Merck	Sulfuric acid 98%	Chai 1 L	2	1120801000	Merck (Đức)

1.8	Na2SO4 khan, loại tinh khiết phân tích, Merck	Sodium sulfate	Hộp 1kg	3	1066491000	Merck (Đức)
1.9	Silicagel 70-230 mesh, Supelco	Silica gel 70-230 mesh, Supelco	Hộp 1kg	1	717177-1KG	Sigma (Đức)
1.10	Silicagel KOH2%, Supelco	Silica gel KOH2%, Supelco	Hộp 100g	2	21318-U	Sigma (Đức)
1.11	Silicagel 22% axit, supelco	Silica gel 22% axit, supelco	Hộp 100g	2	21341-U	Sigma (Đức)
1.12	Silicagel 44% axit, supelco	Silica gel 44% axit, supelco	Hộp 100g	2	21334-U	Sigma (Đức)
2. Vật tư, vật liệu tiêu hao theo máy, thiết bị						
2.1	Large PUF foam replacement 6x7,6mm	Large PUF foam replacement 6x7,6mm	hộp/10 cái	2	22954	Restek (Mỹ)
2.2	Whatman Grade QM-A Quartz Air Sampling Filter, 110 mm Circle	Whatman Grade QM-A Quartz Air Sampling Filter, 110 mm Circle	Hộp/100 cái	2	1851-110	Whatman (Anh)
2.3	GF/D glass microfiber filter paper 110 mm	GF/D glass microfiber filter paper 110 mm	Hộp 25 cái	1	36321110	ADVANTEC
2.4	Boiling chips	Alumnina boiling chips	Lọ 500 g	1	BC-500g	B/R Instrument (Mỹ)
2.5	Ống đựng mẫu Soxhlet 33x94mm, xenlulo	Cellulose Soxhlet Extraction Thimble, single 1 mm wall, 33 x 94 mm	Hộp/25 cái	8	2800-339	Whatman (Đức)

2.6	Khí Heli, >99,999%, hãng Messer	Khí Heli, >99,999%, hãng Messer	Chai 40 L	2	lium - 5.0 (99,999	Messer (Việt Nam)
2.7	Cột tách mao quản DB5 15m x 0,25mm x 0,1um	Cột tách mao quản DB5 15m x 0,25mm x 0,1um	Cái	1	122-5511	Agilent (Mỹ)
2.8	Syringe tiêm mẫu tự động, 10F-S-0.63 10 µL, hãng Shimadzu	Syringe tiêm mẫu tự động, 10F-S-0.63 10 µL, hãng Shimadzu	Cái	1	10F-S-0.63	Shimadzu (Nhật Bản)
2.9	Glass insert cho bộ tiêm mẫu, chia dòng, hãng Shimadzu	Glass insert cho bộ tiêm mẫu, chia dòng, hãng Shimadzu	Hộp/4 cái	1	227-35008-01	Shimadzu (Nhật Bản)
2.10	Dây đốt cho MS Filament D assy, code: 225-10340-91, hãng Shimadzu	Dây đốt cho MS Filament D assy, code: 225-10340-91, hãng Shimadzu	Cái	2	225-10340-91	Shimadzu (Nhật Bản)
3. Dụng cụ, công cụ, phụ kiện phòng thí nghiệm						
3.1	Lọ thủy tinh vial nâu 2mL, bao gồm nắp vặn và septa	Lọ thủy tinh vial nâu 2mL, bao gồm nắp vặn và septa, Mỹ	Hộp/100 cái	4	V08002AP	Agilent (Mỹ)
3.2	Lọ thủy tinh nâu 4mL, kèm nắp vặn, septa	Lọ thủy tinh nâu 4mL, kèm nắp vặn, septa, Mỹ	Hộp/100 lọ	3	V13004AP	Agilent (Mỹ)
3.3	Bộ cài 250 ul Inserts with Polymer Feet,100 cái/hộp	Bộ cài 250 ul Inserts with Polymer Feet,100 cái/hộp, Mỹ	Hộp/100 cái	3	CG-CV-1419-0629	Agilent (Mỹ)
3.4	Pipete Pasteur thủy tinh 145mm,	Pipete Pasteur thủy tinh 145mm	Hộp/250 cái	3	9250101	Hirschmann (Đức)

3.5	Syring thủy tinh 10 µL, Hamilton	Syring thủy tinh 10 µL, Hamilton	Cái	1	80300	Hamilton (Mỹ)
3.6	Syring thủy tinh 50 µL, Hamilton	Syring thủy tinh 50 µL, Hamilton	Cái	1	80500	Hamilton (Mỹ)
3.7	Syring thủy tinh 100 µL, Hamilton	Syring thủy tinh 100 µL, Hamilton	Cái	1	80665	Hamilton (Mỹ)
3.8	Syring thủy tinh 500 µL, Hamilton	Syring thủy tinh 500 µL, Hamilton	Cái	1	80800	Hamilton (Mỹ)
3.9	Syring thủy tinh 1 mL, Hamilton	Syring thủy tinh 1 mL, Hamilton	Cái	1	81320	Hamilton (Mỹ)
3.10	Cột sắc ký thủy tinh 2x51cm, có màng xốp	Synthware™ chromatography column with PTFE stopcock and coarse frit	Cái	6	SYNC362640C	Merk (Đức)